

Số: *237*/KH-UBND

Quảng Ninh, ngày *15* tháng 10 năm 2019

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2019 - 2020 tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/06/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 86/2018/TT-BTC ngày 18/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công văn số 5920/BGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 4162/BGDĐT-KHTC ngày 16/9/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đôn đốc triển khai chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2019 - 2020 tỉnh Quảng Ninh như sau:

I. Mục tiêu của Chương trình

1. Mục tiêu tổng quát

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27 tháng 06 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020.

- Cùng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp, các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến lớp, có sự chuyển biến nhanh về chất lượng giáo dục.

2. Mục tiêu cụ thể

- Mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu và bàn ghế học sinh cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học,

trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.

- Mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng cho nhà ăn, nhà bếp, khu nội trú học sinh của các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo theo hướng nâng cấp, mở rộng đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật trường học theo quy định hiện hành nhà ăn, nhà bếp, khu ở nội trú trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

II. Nhiệm vụ thực hiện Chương trình

* Nhiệm vụ: Hỗ trợ trang thiết bị, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các hạng mục thiết yếu của các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách trung ương và địa phương, bao gồm các nội dung và hoạt động chính sau:

- Hỗ trợ mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu, bàn ghế học sinh cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn - nhà bếp, khu nội trú học sinh cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình, nâng cấp cơ sở vật chất hiện có đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường học cho các nhà ăn, nhà bếp, khu ở nội trú của trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

III. Tổng vốn thực hiện Chương trình là 22.097 triệu đồng bao gồm:

1. Ngân sách trung ương:

Vốn sự nghiệp: 16.168 triệu đồng.

2. Ngân sách địa phương:

Vốn ngân sách tỉnh: 5.929 triệu đồng.

(Chi tiết kinh phí giao, kế hoạch thực hiện có phụ biểu kèm theo)

IV. Giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình:

1. Đối với vốn đầu tư phát triển

- Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan của Trung ương và địa phương. Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú theo Quyết định đã được phê duyệt.

- Hằng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về mục tiêu, nhiệm vụ, số vốn đầu tư phát triển của Chương trình, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, giao kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Đối với vốn sự nghiệp

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan. Trên cơ sở nguồn vốn Trung ương giao và vốn đối ứng ngân sách tỉnh. Trên cơ sở mục tiêu Chương trình, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt nhằm hoàn thành các mục tiêu của từng nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến kinh phí ngân sách hàng năm giao.

V. Thời gian thực hiện Chương trình: Giai đoạn 2016 - 2020.

VI. Tổ chức thực hiện Chương trình

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp và xây dựng đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán phần kinh phí trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, không thất thoát, lãng phí.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh giao vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch và hằng năm để thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nguồn vốn đầu tư phát triển và khả năng cân đối vốn đầu tư phát triển các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Giáo dục và Đào tạo cân đối, bố trí vốn sự nghiệp của trung ương thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát, đề xuất nhiệm vụ thực hiện Chương trình theo hướng dẫn; quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình đầu tư, trang bị thiết bị đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhu cầu sử dụng.

5. Các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng thụ hưởng dự án.

- Rà soát, đánh giá đúng hiện trạng cơ sở vật chất, nhu cầu đầu tư mua sắm trang thiết bị tối thiểu, thiết bị nhà bếp, nhà ăn, nhà ở bán trú tổng hợp báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng quy chế, phương án quản lý, vận hành và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo hiệu quả.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (b/cáo);
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, TC, KH&ĐT;
- Ban dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- V0-4, TM, GD, VX;
- Lưu VT, TM4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Thị Thu Thủy

PHỤ LỤC 1: BIỂU KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ, VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 237 /KH-UBND ngày 15 /10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Năm	Tổng số	Chia ra	
			Vốn Trung ương	Vốn đối ứng NS tỉnh
	Tổng số (dự kiến)	22.109	16.178	5.931
1	Năm 2016 (đã giao vốn)	1.278	1.278	
2	Năm 2018 (đã giao vốn)	3.261	2.200	1.061
3	Năm 2016 và năm 2017 (dự kiến bổ sung)	6.700	5.000	1.700
4	Năm 2019 (dự kiến)	3.300	2.500	800
5	Năm 2020 (dự kiến)	7.570	5.200	2.370



PHỤ LỤC 2: BIỂU KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

Kinh phí sự nghiệp CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giao đoạn 2016 - 2020

(Kế hoạch số 237 /KH-UBND ngày 15 /10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Kinh phí/chỉ tiêu, nhiệm vụ chính	Đơn vị tính	Kế hoạch triển khai						
			Tổng số	Chia theo năm					Nguồn bổ sung 2016 - 2017
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Kinh phí		22.097	1.268	0	3.261	3.298	7.570	6.700
1	Kinh phí sự nghiệp Trung ương	Tr. đồng	16.168	1.268	0	2.200	2.500	5.200	5.000
1.1	Kinh phí mua sắm trang thiết bị và đồ dùng	Tr. đồng	15.327	1.268	0	1.359	2.500	5.200	5.000
	Kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh	Tr. đồng	7.627	1.268		1.359			5.000
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp	Tr. đồng	7.700				2.500	5.200	
	Kinh phí mua sắm trang bị thiết bị và đồ dùng khu nội trú	Tr. đồng	0						
1.2	Kinh phí duy tu sửa chữa cải tạo	Tr. đồng	841	0	0	841	0	0	0
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp	Tr. đồng	0						
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú	Tr. đồng	841			841			
1.3	Kinh phí giám sát đánh giá	Tr. đồng	0						
2	Kinh phí địa phương đối ứng	Tr. đồng	5.929	0	0	1.061	798	2.370	1.700
2.1	Kinh phí mua sắm trang thiết bị và đồ dùng	Tr. đồng	798	0	0	0	798	0	0
	Kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh.	Tr. đồng	0						
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp	Tr. đồng	798				798		
	Kinh phí mua sắm trang bị thiết bị và đồ dùng khu nội trú	Tr. đồng	0						
2.2	Kinh phí duy tu sửa chữa cải tạo	Tr. đồng	5.131	0	0	1.061	0	2.370	1.700
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp	Tr. đồng	2.761			1.061			1.700
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú	Tr. đồng	2.370					2.370	
2.3	Kinh phí giám sát đánh giá	Tr. đồng	0						
II	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chính		0						
I	Mua sắm trang thiết bị và đồ dùng		0						
1.1	Số trường được trang bị bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh.	Số trường	21	13		5	3		
	Trong đó: - Số trường PTDTBT	Số trường	21	13		5	3		
	- Số trường phổ thông công lập		0						
1.2	Số nhà ăn, nhà bếp được trang bị thiết bị và đồ dùng	Số nhà	8			1	3	4	
1.3	Số khu nội trú được trang bị thiết bị và đồ dùng	Số khu	10			3	3	4	
2	Duy tu sửa chữa cải tạo		0						
	Số nhà ăn, nhà bếp được duy tu, sửa chữa, cải tạo	Số nhà	3			1		2	
	Số khu nội trú được duy tu, sửa chữa, cải tạo	Số khu	0						